| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN B**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 90/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2023
V/v tranh chấp "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đặng Thị Nga

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Hưởng

2. Bà Nguyễn Anh Thư

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lại Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 293/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 82/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1988;

ĐKTT: Thôn V. Xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An;

Chỗ ở: Ấp A, xã N, huyện B, tỉnh Long An

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà Y có Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, ông T vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 06/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Thị Y trình bày:*

Năm 2006, bà Đặng Thị Y và ông Nguyễn Minh T xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Long An ngày

29/12/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống nhưng không đảm bảo hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến cãi vã. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Bà Đặng Thị Y thống nhất xác định bà và ông Nguyễn Minh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 13/10/2006 và Nguyễn Ngọc Huy H, sinh ngày 25/4/2012. Hiện cháu V và cháu H đang do ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà Y đồng ý cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Bà Y cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà Đặng Thị Y xác định không tranh chấp về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đặng Thị Y xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); 02 Giấy khai sinh (bản sao); 01 Căn cước công dân (bản sao).

Cháu Nguyễn Thị Kiều V và Nguyễn Ngọc Huy H đều có ý kiến trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được sống với cha.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ tại thị trấn Q, huyện B về việc tranh chấp *"Ly hôn"*. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

[2]. Nguyên đơn bà Đặng Thị Y có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt theo qui định pháp luật.

Về nội dung tranh chấp:

[3]. Bà Đặng Thị Y, ông Nguyễn Minh T xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Long An ngày 29/12/2006 theo qui định. Căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông T là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của bà Y, Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng có thời gian dài chung sống nhưng không đảm bảo hạnh phúc. Trong quá trình nộp đơn khởi kiện, bà Y cho rằng giữa bà Y và ông T đã phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng không hòa hợp với nhau về mọi mặt và không ai còn quan T đến nhau. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã cho bà Y và ông T thời gian đoàn tụ nhưng ông T không có bất kỳ ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của bà Y mà vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc đoàn tụ giữa các đương sự không có kết quả nên Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa bà Y và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho bà Đặng Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

[5]. Về nuôi con chung: Theo lời trình bày của bà Y cùng các chứng cứ do bà Y cung cấp thì bà Y và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 13/10/2006 và Nguyễn Ngọc Huy H, sinh ngày 25/4/2012. Xét thấy, hiện cháu V và cháu H đang sống với ông T, cuộc sống đã ổn định. Khi ly hôn, bà Y đồng ý giao cho ông T được tiếp tục nuôi 02 con chung. Hơn nữa, cả hai cháu V và cháu H đều có nguyện vọng là muốn sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu V và cháu H nên giao cháu Nguyễn Thị Kiều V và Nguyễn Ngọc Huy H cho ông Nguyễn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung sau khi bà Y và ông T ly hôn không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của bà Y và ông T. Ông T là người trực tiếp nuôi con. Bà Y đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu V và cháu H mỗi tháng 1.500.000đồng/cháu là phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận. Buộc bà Y có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu V và cháu H mỗi tháng 1.500.000/cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 09/2023 đến khi cháu V và cháu H đủ 18 tuổi.

[7]. Về chia tài sản, nợ chung: Bà Y trình bày không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung. Ông T vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Đặng Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên*;

**QUYẾT ĐỊNH**:

Căn cứ Điều 28, Điểm a khoản 1 các Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Đặng Thị Y với ông Nguyễn Minh T.

**1**. Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

**2**. Về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Minh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 13/10/2006 và Nguyễn Ngọc Huy H, sinh ngày 25/4/2012. Bà Đặng Thị Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V và cháu H mỗi tháng là 1.500.000đ/cháu, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2023 cho đến khi cháu V và cháu H đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp phí tổn nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

**3**. Về án phí: Bà Đặng Thị Y phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Khấu trừ tạm ứng án phí bà Y đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010051 ngày 12/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B chuyển sang án phí. Bà Y còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng án phí sung Ngân sách Nhà nước.

**4**. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

**5**. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện B;
- UBND xã N, huyện B, tỉnh Long An;
- THA huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Nga**